

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Toán học; Chuyên ngành: Toán Giải tích

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Văn Thìn

2. Ngày tháng năm sinh: 05/05/1988; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Sán Dìu; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Phúc Triu, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 06, Tổ 8, Phường Thịnh Đán, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Số nhà 06, Tổ 8, Phường Thịnh Đán, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0858716553;

E-mail: thinmath@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 01/2012 đến 06/2025: Giảng viên tại Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng Bộ môn Giải tích và Toán ứng dụng; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Bộ môn Giải tích và Toán ứng dụng

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

Địa chỉ cơ quan: Số 20, Đường Lương Ngọc Quyến, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại cơ quan: 02083902903

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 24 tháng 06 năm 2010, số văn bằng: ĐĐ 0031306, ngành: Sư phạm Toán học, chuyên ngành: Sư phạm Toán học

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 09 tháng 08 năm 2012, số văn bằng: 3336, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán Giải tích

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 07 tháng 09 năm 2017, số văn bằng: A 0066, ngành: Toán học, chuyên ngành: Toán Giải tích

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Toán học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Lý thuyết Nevanlinna-Cartan và một số vấn đề liên quan

- Phương trình đạo hàm riêng phân thứ

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 1 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 8 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 4 cấp Bộ;

- Đã công bố (số lượng) 19 bài báo khoa học, trong đó 19 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo	Bộ giáo dục và đào tạo	2017

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Bản thân có đủ các tiêu chuẩn theo quy định của Luật giáo dục: Có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ.

- Thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định của Luật Giáo dục: Luôn chấp hành tốt chủ chương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của Nhà trường và địa phương. Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự nhà giáo, tôn trọng nhân cách, đối xử công bằng, bảo vệ các quyền lợi chính đáng của người học. Luôn dạy học và giáo dục theo đúng mục tiêu, nguyên lý và quy định của chương trình giáo dục. Không ngừng học tập, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, nêu gương tốt cho người học. Bản thân luôn chủ động trong công việc, có khả năng sư phạm, chú trọng kết hợp giảng dạy với nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng dạy học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 13 năm 6 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2013-2014					285		285/285/270
2	2020-2021			2		270	45	315/337.5/270
3	2021-2022			2		270	135	405/472.5/270
03 năm học cuối								
4	2022-2023			2		255	120	375/435/270
5	2023-2024		1			270	60	330/360/237.6
6	2024-2025					405		405/405/229.5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Khoa Toán, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H/CK2/BSNT	Chính	Phụ			

1	Nguyễn Văn Tấn		X	X		06/2017 đến 08/2019	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên	30/08/2019
2	Nguyễn Thị Bình		X	X		06/2018 đến 10/2020	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên	08/10/2020
3	Vũ Văn Công		X	X		06/2019 đến 11/2021	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên	26/11/2021
4	Nguyễn Thị Huyền		X	X		06/2019 đến 11/2021	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên	26/11/2021
5	Nguyễn Thị Hạnh		X	X		09/2020 đến 02/2023	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên	14/02/2023
6	Nguyễn Thị Thu Hà		X	X		09/2020 đến 09/2022	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên	13/09/2022
7	Vũ Xuân Sang		X	X		09/2021 đến 10/2023	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên	02/10/2023
8	Nguyễn Anh Tuấn		X	X		09/2021 đến 01/2024	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên	22/01/2024
9	Padaphet Inthavichit	X			X	11/2018 đến 05/2024	Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên	07/05/2024

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phản ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/T K	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Họ chuẩn tắc của các hàm phân hình và ứng dụng	CN	ĐH2014-TN04-04, cấp Bộ	01/01/2014 đến 02/06/2016	Nghiệm thu chính thức ngày 02, tháng 06, năm 2016/ Xuất sắc
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
2	Nghiệm yếu của một bài toán biên Dirichlet chứa toán tử loại Laplace thứ	CN	ĐH2018-TN04-01, cấp Bộ	01/01/2018 đến 19/11/2020	Nghiệm thu chính thức ngày 19, tháng 11, năm 2020/ Đạt
3	Nghiệm yếu của một số lớp phương trình, hệ phương trình đạo hàm riêng chứa toán tử p-Laplace thứ và toán tử Bessel	CN	B2020-TNA-06, cấp Bộ	01/01/2020 đến 31/12/2021	Nghiệm thu chính thức ngày 17, tháng 12, năm 2021/Xuất sắc
4	Một số tính chất về nghiệm của phương trình vi phân, đạo hàm riêng phân thứ	CN	B2023-TNA-14, cấp Bộ	01/01/2023 đến 31/12/2024	Nghiệm thu chính thức ngày 16, tháng 12, năm 2024/Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Uniqueness of meromorphic functions sharing a value	2	Có	Mathematica Slovaca/ISSN: 0139-9918	Có - SCIE	2	66, 4, 829-844	11/2016

	or small function							
2	Uniqueness of meromorphic functions and q -difference polynomials sharing small function	1	Có	Bulletin of the Iranian Mathematical Society/ISSN: 1017-060X	Có - SCIE	5	43, 3, 629-647	06/2017
3	Normal criteria for family meromorphic functions sharing holomorphic function	1	Có	Bulletin of the Malaysian Mathematical Sciences Society/ISSN : 0126-6705	Có - SCIE IF: 0.84, Q2	3	40, 4, 1413-1442	04/2017
4	A modification of the Nevanlinna-Cartan theory for holomorphic curve	2	Có	Complex Variables and Elliptic equations/ Print ISSN: 1747-6933	Có - SCIE IF: 0.832, Q2		62, 4, 438-449	04/2017
5	A note on Cartan's second main theorem for holomorphic curve intersecting hypersurface	1	Có	Journal of Mathematical Analysis and Applications/ISSN: 0022-247X	Có - SCIE IF: 1.138, Q1	3	452, 1, 488-494	08/2017
6	Normal family of meromorphic function sharing holomorphic functions and the converse of the Bloch principle	1	Có	Acta Mathematica Scientia/ISSN: 0252-9602	Có - SCIE IF: 0.661, Q2	6	37B, 3, 623-656	05/2017
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
7	Nontrivial solutions of some fractional problems	1	Có	Nonlinear Analysis: Real World Applications/ISSN: 1468-1218	Có - SCIE IF: 2.012, Q1	7	38 146-170	11/2017
8	A uniqueness problem for entire functions related to Bruck's conjecture	3	Có	Mathematica Slovaca/ISSN: 0139-9918	Có - SCIE		68, 4, 823-836	06/2018

9	On existence solution for Schrödinger–Kirchhoff-type equations involving the fractional p-Laplacian in R^N	2	Có	Complex Variable and Elliptic equation/ISSN: 1747-6933	Có - SCIE IF: 0.695, Q2	4	64, 3, 461-481	03/2019
10	A Difference Analogue of Cartan's Second Main Theorem for Meromorphic Mappings	1	Có	Journal of Contemporary Mathematical Analysis/ISSN: 1068-3623	Có - SCIE		54, 4, 240-252	08/2019
11	Existence of solutions to some fractional equations involving the Bessel operator in R^N	1	Có	Annales Polonici Mathematici/ISSN: 0066-2216	Có - SCIE		122, 3, 267-300	07/2019
12	Generalizations of Montel's normal criterion and Lappan's five-valued theorem to holomorphic curves	2	Có	Complex Variable and Elliptic equation/ISSN: 1747-6933	Có - SCIE IF: 0.846, Q2	4	65, 4, 525-543	04/2020
13	On existence of multiple normalized solutions to a class of elliptic problems in whole R^N via Lusternik-Schnirelman category	2	Có	SIAM Journal on Mathematical Analysis/ISSN: 0036-1410	Có - SCIE IF: 2.071, Q1	25	55, 2, 1264-1283	04/2023
14	Multiplicity and Concentration Properties for Fractional Choquard Equations with Exponential Growth	3	Có	The Journal of Geometric Analysis/ISSN: 1050-6926	Có - SCIE IF: 1.2, Q1	3	34 Article number: 367	10/2024
15	Asymptotics for a wave equation	2	Có	Nonlinear Analysis: Real World	Có - SCIE IF: 2.0, Q1		78 paper 104099	08/2024

	with critical exponential nonlinearity			Applications/ISSN: 1468-1218				
16	Multiplicity and Concentration Behavior of Solutions to a Class of Fractional Kirchhoff Equation Involving Exponential Nonlinearity	4	Có	The Journal of Geometric Analysis/ISSN: 1050-6926	Có - SCIE IF: 1.2, Q1		34 Article number: 283	07/2024
17	Schmidt's subspace theorem for arbitrary families of moving hypersurface targets	3	Có	Journal of Number Theory/ISSN: 0022-314X	Có - SCIE IF: 0.7, Q1		262 335-353	09/2024
18	On multiplicity and concentration of solutions for a fractional p-Laplace Choquard-Kirchhoff equations	4	Có	Advances in Differential Equations/ISSN: 1079-9389	Có - SCIE IF: 1.448, Q1	3	30, 1-2, 35-68	02/2025
19	Growth of holomorphic curves with radially distributed hypersurfaces and uniqueness of holomorphic curves in angular domain	1	Có	Asymptotic Analysis/ISSN: 0921-7134	Có - SCIE IF: 1.1, Q1		143, 2, 768-782	06/2025

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 13 ([7] [8] [9] [10] [11] [12] [13] [14] [15] [16] [17] [18] [19])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 0 / []

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

T	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UỶ (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
Không có						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UỶ PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UỶ chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UỶ chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UỶ chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UỶ chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tỉnh Thái Nguyên, ngày 23 tháng 06 năm 2025

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn Thìn